*Để tiện phân tích,chúng tôi không đề cập đến những từ láy gồm bốn âm tiết như ủng ta đã biết.*

*Tạp chí Ngôn ngữ số 4-1985, tr. 52 và Tạp chí Khoa học (khoa học xã hội) Trường Đại c Tổng hợp Hà Nội, số 3-1988, tr. 30.*

*Ở đây nên hiểu một cách tương đối, nhất là trong sự so sánh với láy.*

*Nếu như thế thì sẽ là ghép.*

*Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với thực tế của yếu tố láy.*

*Những quan niệm cho rằng láy là phụ tố, phụ gia chúng tôi đều gộp chung trong một ạm trù lớn là ghép.*

*. Những trường hợp này có vỏ ngữ âm giống từ láy chúng tôi cho đó là một sự ngẫu iên mà thôi...*

# NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA THÀNH NGỮ ĐỐI TRONG TIẾNG VIỆT VÀ XÚ-PHA-XÍT TIẾNG LÀO

TRỊNH ĐỨC HIỀN

1. Thành ngữ là một bộ phận quý báu trong kho tàng ngôn ngữ của mỗi dân tộc. Từ trước đến ng giới Việt ngữ đã có nhiều người quan tâm đến mảng đề tài phong phú hấp dẫn này. Riêng *ngữ đối* cũng đã có ít nhất hai công trình nghiên cứu một cách khá sâu sắc và đầy đủ [1]. iếng Việt, thành ngữ đối chiếm một vị trí quan trọng. Đặc điểm nổi bật về cấu trúc của thành là tính chất đối xứng giữa các bộ phận và các thành tố (4-6); chẳng hạn trong thành ngữ *chim* có *chim sa* đối ứng với *cá lặn*, trong thành ngữ *thay lòng đổi dạ* có *thay lòng* đối ứng với *đổi*

ıy nhiên hầu hết các nhà nghiên cứu chỉ đề cập đến những thành ngữ đối có số lượng .hành tố *ẵn*: 4 hoặc 6... mà chủ yếu là 4 thành tố (4 từ). Nhưng chúng tôi quan niệm, đặc trưng cơ bản a thành ngữ đối là có *tính chất đối xứng giữa hai vế của thành ngữ*. Vì vậy, theo chúng tôi, hành ngữ đối trong tiếng Việt có thể *bao gồm cả những thành ngữ có số lượng thành tố là số* ıg ta sẽ có dịp phân tích kỹ đặc trưng này ở phần tiếp theo.

**1.2.** Trong bài viết này, bước đầu chỉ xin so sánh một số đặc điểm của thành ngữ đối t và Xú-pha-xít tiếng Lào. Trước hết cần phải nói là, tất cả những trường hợp mà ở tiếng V chia thành tục ngữ, ngạn ngữ, thành ngữ, thì trong tiếng Lào, đều gọi chung là Xú-pha-xít, ở chúng tôi chỉ chọn những trường hợp có đặc điểm giống với *thành ngữ tiếng Việt* để so sán hơn, chỉ chọn những Xú-pha-xít giống với *thành ngữ đối trong tiếng Việt*.

**2.1.** Xét về mặt *số lượng* các thành tố của thành ngữ đối thì, mặc dù tổng số các thành là số chẵn hay số lẻ, nhưng nhất thiết *trong kết cấu của thành ngữ phải có hai vế tương ứng* như vậy mới tạo nên tính đối xứng trong thành ngữ.

**2.1.1.** Trường hợp thành ngữ có *số lượng thành tố lẻ* thì thành tố ở giữa là trục đối x hai vế. Thông thường trục đối xứng này đều là *động từ*.

Trong tiếng Việt, những thành ngữ có động từ ở giữa hai vế của thành ngữ khá phổ biế cá lớn *nuốt* cá bé, lá lành *đùm* lá rách, mèo nhỏ *bắt* chuột con...

Ở tiếng Lào cũng có những Xú -pha-xít có hình thức cấu tạo như những thành ngữ trên tiếng Việt. Chẳng hạn: nặm xảy *phẹ* nặm khùn (nước trong *thắng* nước đục), tịn xạng *diệp* (chân voi *dắm* mỏ chim), pa nhày *kin* pa nọi (cá lớn *nuốt* cá bé) khoai thạu *mắc* nhạ òn (trâu cỏ non)...

**2.1.2.** Trường hợp thành ngữ có *số lượng thành tố chẵn* thì chỗ ngắt giọng giữa hai v đối xứng của thành ngữ. Nói cách khác: trục đối xứng là đường ranh giới chia đôi số lượng có trong thành ngữ. Có thể dẫn ra rất nhiều thành ngữ đối kiểu này trong tiếng Việt: ruộn liền, một nắng / hai sương, chân yếu / tay mềm, bụng làm / dạ chịu.. Trong tiếng Lào có: pama (thịt đi / cá về), hủa xạng / hảng nủ (đầu voi / đuôi chuột), xạu đeng / leng sịu (sáng đ xanh)...

**2.2.** Tính chất đối xứng được tạo nên một cách chặt chẽ nhờ vào một số đặc điểm về ngữ pháp và ngữ nghĩa của các thành tố trong hai vế của các thành ngữ đối trong tiếng Xú-pha-xít tiếng Lào.

**2.2.1.** Nhìn chung, thành ngữ đối tiếng Việt và Xú-pha-xít tiếng Lào đều có tính nhịp tạo ra *tính nhịp điệu* này, đáng chú ý là các biện pháp hài âm chủ yếu sau đây:

*1. Lặp âm:* Trong hai vế của thành ngữ đối có thành tố đầu của vế thứ nhất trùng với đầu của vế thứ hai. Chẳng hạn: *Lá* mặt *lá* trái, *sợ* bóng *sợ* gió, *hàng* tôm *hàng* cá, *hết* lòng *hế* gan *tím* ruột...

Trong Xú-pha-xít cũng có hiện tượng tương tự: *Vạu* nhạc *vạu* nhao (*nói* khó *nói* dài),. *xăng* và (*ghét* cay *ghét* đắng), *khằng* khịa *khằng* len (*nửa* kỳ nhông *nửa* kỳ đà)...

*2. Hiệp vần:* Thành tố cuối của vế thứ nhất hiệp vần với thành tố đầu của vế thứ hai.

Xú-pha-xít tiếng Lào: Non *văn xằn* khả (ngủ ngày rung chân), xạu *deng leng* sịu (sáng xanh), ngam tè *hụp chụp* bò hỏm (đẹp bề ngoài hôn chẳng thơm), chào xịn *khoai khải* xịn mạ trâu bán thịt ngựa)...

Ở tiếng Việt, những thành ngữ đối kiểu này cũng rất phong phú: ăn chưa sạch bạch chu ăn hại đái khai, bỏ thương vương tội, chém to kho mặn,già đòn non nhẽ, xanh vỏ đỏ lòng...

Cần nói thêm là, nếu trong thơ ca "vần làm phương tiện liên kết các dòng thơ lại th

nh bài hoàn chỉnh, do đó mà giúp cho việc đọc được thuận miệng nghe được thuận tai tình cả dễ thuộc dễ nhớ" (2-3) thì cũng có thể nói vần trong thành ngữ đối tiếng Việt và trường ng Lào là sợi dây âm thanh thắt buộc hai vế làm cho các thành tố quyện chặt vào nhau hĩa cộn i, có âm điệu hài hòa, có tác dụng gây ấn tượng mạnh mẽ và dễ đi vào lòng người. vô sản

và nhịp: Tạo nên tính cân đối, nhịp nhàng giữa hai vế của thành ngữ đối và Xú-pha-xít.

rong -xít : Hủa xạng / hảng nủ, xùa và khị / đi và kẹo (xấu là phân / tốt là ngọc)...

hố-
ành ngữ đối: Áo mảnh / quần manh, ruộng sâu / trâu nái, chết đi / sống lại, ông ăn chả / bà ăn
ng mất chân giò / bà thò chai rượu...

2.2. Một đặc điểm khá rõ nét là *các thành tố đối ứng với nhau đều thuộc cùng một từ loại*. ó có nghĩa là nếu từ A ở vế 1 là động từ thì từ B đối ứng với A ở vế 2 cũng là động từ. Chẳng ng Xú-pha-xít tiếng Lào: Xịn *pay* pa *ma* (thịt *đi* cá *về*), có *pay* (đi) là *động từ*, đối ứng với *ma* ng là *động từ*.

Một ví dụ khác: khoai *thạu* mắc nhạ *òn* (trâu *già* thích cỏ *non*). Ở đây có từ *thạu* (già ) và từ *òn* lối ứng với nhau qua trục đối xứng là động từ *mắc* (thích) đều là *tính từ*.

rong tiếng Việt cũng có rất nhiều thành ngữ có đặc điểm này: chim trời cá bể, có trời-bể là ời, sinh hoa kết quả có sinh-kết là *động từ*, xanh vỏ đỏ lòng có xanh- đỏ là *tính từ*...

rường hợp các thành ngữ có thành tố là *số từ* cũng rất đáng chú ý. Qua khảo sát chúng tôi thấy các số từ 1 đến 10 đều được sử dụng trong thành ngữ đối tiếng Việt. Chẳng hạn: *Một* nắng *hai* , *ba* máu *sáu* cơn, *bốn* bể *năm* châu, *năm* bè *bảy* mối, *ba* chân *tám* cẳng... đặc biệt có thành ngữ oàn chữ số: Một *chín* một *mười*. Trong các số được dùng có một số trường hợp có cách gọi hư: *Hai* thành *đôi*, *năm* thành *lăm*, *mười* thành *mươi*.

Nhìn chung, các số lẻ được sử dụng nhiều hơn các số chẵn. Riêng trường hợp lặp số từ ở hai vế i có số một được sử dụng còn các số khác hầu như không được dùng, trừ số ba trong thành a cọc ba đồng" (4-10).

Trong Xú-pha-xít tiếng Lào chỉ thấy dùng các con số như: hai,ba, năm, sáu và mười. Nhưng như ở trên, đó là những Xú-pha-xít nói chung; còn những Xú-pha-xít giống với thành ngữ đối tiếng có sử dụng con số thì thường chỉ dùng số *hai* và số *ba*. Ví dụ: Na *soóng* mường mương *soóng* ruộng *hai* mương mường *hai chúa*), khạu *sảm* soọc oọc *sảm* va (vào *ba* khuỷu ra *ba* sải), *sảm pi* ươn *sảm* đươn nhại bạn (*ba* năm dọn nhà *ba* tháng dọn làng),...

2.2.3. Một đặc điểm khác của thành ngữ đối tiếng Việt là để tạo ra sự đối ứng chặt chẽ giữa hai i khi những trật tự cú pháp thông thường bị thay đổi.

| Trật tự thông thường | Trật tự trong thành ngữ |
|---|---|
| Núi sông ngăn cách | Cách núi ngăn sông |
| Đi về đêm hôm | Đi đêm về hôm |
| Chạy xa bay cao | Xa chạy cao bay |
| Mất tiền mang tật | Tiền mất tật mang... |

Ở Xú-pha-xít tiếng Lào cũng có hiện tượng này:

| Trật tự thông thường | Trật tự trong Xú-pha-xít |
|---|---|

| | | |
|---|---|---|
| Kin mầm hết khạ | Mần kin khạ hết | ở đối tiế |
| (ăn siêng làm biếng) | (siêng ăn biếng làm) | iếng Vi |
| Khị và xùa kẹo và đi | Xùa và khị đi và kẹo | -xít, ở |
| (phân là xấu ngọc là tốt) | (Xấu là phân tốt là ngọc). | so sánh |

Ở ví dụ thứ hai này do có sự đảo trật tự của các thành tố nên đã tạo ra sự hiệp vần t *đi*, làm cho sự liên kết giữa các thành tố được chặt chẽ hơn, tính cố định của Xú-pha-xít v hơn.

2.2.4. Trên đây là một số đặc điểm về hình thức của thành ngữ đối tiếng Việt và Xú-pha-Lào. Nhưng, xét cho cùng, tất cả những đặc điểm về hình thức ấy là để chứa đựng một *nội d nghĩa* nào đó. Trên cơ sở đó ta có thể sử dụng thành ngữ thật chính xác và thích hợp vào từng hợp cụ thể khi nói và khi viết.

Như vậy, tìm hiểu thành ngữ đối tiếng Việt và Xú-pha-xít tiếng Lào là tìm hiểu sự đối nghĩa giữa các từ ở hai vế. Nghĩa được hòa đúc, kết tinh trên cơ sở của sự đối ứng này.

Để tạo ra sự đối ứng về nghĩa, thành ngữ đối tiếng Việt cũng như Xú-pha-xít tiếng Lào sử dụng hai quan hệ ngữ nghĩa tiêu biểu là quan hệ đồng nghĩa và quan hệ trái nghĩa.

*1. Quan hệ đồng nghĩa:*

Ví dụ; Lòng-dạ trong "thay lòng đổi dạ" , mưu kế trong "bàn mưu tính kế", đổi - thay trong trắng thay đen", xương-cốt trong"thay xương đổi cốt"...

Trong Xú-pha-xít tiếng Lào, chúng tôi chỉ thấy có một trường hợp dùng từ đồng nghĩa nhạc *pạc* nhao (*nói* khó *nói* dài). Ở đây có hai từ "vạu" và "pạc" đều có nghĩa là "nói". Đồng t có một Xú-pha-xít khác "Vạu nhạc vạu nhao" cũng có nghĩa là (nói khó nói dài). Những trườ lặp âm như vậy có thể coi là những trường hợp đặc biệt của quan hệ đồng nghĩa trong Xú tiếng Lào cũng như trong thành ngữ đối tiếng Việt (xem các ví dụ ở 2.2.1, phần "lặp âm").

*2. Quan hệ trái nghĩa:*

Trong tiếng Việt: đực / cái trong "buổi đực buổi cái", sống / chết trong "sống tết ch nặng/nhẹ trong "điều nặng tiếng nhẹ", đục / trong trong "gạn đục khơi trong"...

Trong tiếng Lào: đỏ / xanh trong "xạu đeng leng siu" (sáng đỏ chiều xanh), đầu / đuôi tro sạng hảng nủ" (đầu voi đuôi chuột), xấu / tố trong "xùa và khị đi và kẹo" (xấu là phân tốt là ngọ

Có một số thành ngữ tiếng Việt cũng như Xú-pha-xít tiếng Lào vẫn còn dùng nghĩa thự đen như: chém to kho mặn, chết dần chết mòn, buôn gian bán lận... hoặc vạu nhạc vạu nhao ( nói dài), khứt bò ọọc xoọc bò hền (nghĩ chẳng ra rà chẳng thấy)...

Tuy nhiên nói như vậy không phải nghĩa của những thành ngữ này là tổng số nghĩa các lại mà là tính khái quát, tính biểu trưng chưa cao.

Nhưng nói đến nghĩa của thành ngữ không thể không nói đến *nghĩa bóng*. Chính các ngh nghĩa đen là cơ sở để tạo nên nghĩa bóng. "Nghĩa bóng của thành ngữ là nghĩa khái quát, tổng mối liên hệ nội bộ của các thành tố hợp thành đơn vị. Khi dùng nghĩa bóng thì từng thành tố thành ngữ sẽ mất đi nghĩa thực" (6-24).

Đặc biệt ở các *thành ngữ có tính hình tượng* thì việc xác định đầy đủ và chính xác ng

tình cảnửn giản. Đó là một việc rất khó nhưng cũng là cái hay, là nét đặc trưng của thành
trường, r ngữ thông thường khác. Chẳng hạn trong tiếng Lào có Xú-pha-xít: *kin pun họn*
hĩa cộng g bụng) mang tính hình tượng cao, được sử dụng với nghĩa bóng tương tự với
vô sản sứ *mình* của tiếng Việt. Một Xú-pha-xít khác là: *nôôc mi hủ nủ mi pic* (chim có tai
và những ng tự với thành ngữ *"tai vách mạch rừng"* của tiếng Việt...

rong t t số miêu tả, phân tích trên đây có thể thấy:
hống th
ng h c trưng đơn lập - âm tiết tính thể hiện rất rõ trong hai ngôn ngữ Việt và Lào, đặc biệt
nh ,ữ những thành tố tham gia cấu tạo đều là những từ đơn âm tiết.
lấ Cách thức cấu tạo thành ngữ đối tiếng Việt cũng như Xú-pha-xít tiếng Lào có nhiều nét
: có sự đối ứng chặt chẽ, hài hòa giữa hai vế cả về mặt ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa.
có những thành ngữ tiếng Việt đặc biệt giống Xú-pha-xít tiếng Lào như: "cá lớn nuốt cá bé"
y kin pa nọi" (cá lớn ăn cá bé), "đầu voi đuôi chuột" - "hủa xạng hảng nủ" (đầu voi đuôi

ư vậy người Việt và người Lào có nhiều điểm giống nhau không chỉ về tư duy mà trong cách
hiện tư duy ấy bằng ngôn ngữ cũng có nhiều nét tương tự.

ng từ đây có thể đặt ra những vấn đề lớn hơn về ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ..., giữa hai
Việt-Lào nói riêng và các ngôn ngữ Đông Nam Á... nói chung và do đó đây vẫn còn là đề tài
bổ ích cần được tiếp tục khai thác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


*Đỗ Hữu Châu. Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt. NXB Giáo dục. H., 1981.*

*Mai Ngọc Chừ. Tìm hiểu vần thơ Việt Nam. Tóm tắt luận án PTS. H., 1986.*

*Nguyễn Thiện Giáp. Từ vựng học tiếng Việt. NXB Đại học và THCN. H., 1985.*

*Hoàng Văn Hành. (chủ biên). Kể chuyện thành ngữ tục ngữ. NXB KHXH. H., 1988.*

*Trịnh Đức Hiền. Một số vấn đề về hình thức của Xú-pha-xít Lào (bằng tiếng Lào). ISP Viên Chăn., 1985.*

*Nguyễn Lực - Lương Văn Đang. Thành ngữ tiếng Việt. NXB KHXH. H., 1978.*

*Đái Xuân Ninh. Hoạt động của từ tiếng Việt. NXB KHXH. H., 1978.*

*Nguyễn Đình Phúc. Xú-pha-xít và lời nói giao duyên Lào. NXB KHXH. H., 1976.*

*Bùi Khắc Việt. Thành ngữ đối trong tiếng Việt. Trong "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng ệt về mặt từ ngữ". Tập 2. NXB KHXH. H., 1981.*


## CHÚ THÍCH

*Xin xem, Hoàng Văn Hành (chủ biên): "Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ". NXB KHXH, H., 88: Bùi Khắc Việt: "Thành ngữ đối trong tiếng Việt". Trong cuốn "Giữ gìn sự trong sáng a Tiếng Việt về mặt từ ngữ", tập 2 - NXB KHXH, H., 1981.*